

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2023/DS - ST
Ngày: 18 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 06 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2023/QĐST-DS ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) có trụ sở chính: Số H, phường L, quận Đ, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh T, cán bộ xử lý nợ - V1 có địa chỉ tầng B, Tòa nhà H, 204 - B T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Văn bản ủy quyền số 32/2022/UQ – VPB ngày 10/04/2022.

- Bị đơn

1. Bà Trương Thị H, sinh năm 1961

2. Anh Lưu Ngọc T1, sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Chị Lưu Ngọc M, sinh năm 1986 nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/04/2023 nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vank) do ông Trần Minh T đại diện trình bày:

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân buộc ông Lưu Ngọc K, bà Trương Thị H trả ngay một lần cho V1 số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 19/04/2022 tổng cộng là 198.590.301 đồng, trong đó gốc là 158.702.962 đồng, lãi 39.887.339 đồng, số nợ của từng khoản cụ thể như sau:

-Khoản vay 13058276/AGG/HĐTD ngày 11/05/2017, tổng cộng là 5.398.062 đồng, trong đó gốc là 4.527.466 đồng, lãi là 870.596 đồng

-Khoản vay LD 2100500760 ngày 05/01/2021, tổng cộng là 114.297.479 đồng, trong đó gốc là 92.009.463 đồng, lãi là 22.288.016 đồng.

-Khoản vay LD 1919300913 ngày 12/07/2019, tổng cộng là 54.197.566 đồng, trong đó gốc 44.175.385 đồng, lãi là 10.022.181 đồng.

-Khoản vay 156-P-4891174, tổng cộng là 24.697.194 đồng, trong đó gốc là 17.990.648 đồng, lãi là 6.706.546 đồng.

Ngoài ra kể từ ngày 20/4/2022 trở đi ông K, bà H vẫn phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ V2.

Trường hợp ông K, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ nợ vay.

01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, số loại K165CS, số khung RNHA500BKHC039964, số máy JT718905, biển số 67C – 076.25 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005848 do Phòng C công an tỉnh A cấp ngày 11/05/2017 đứng tên ông Lưu Ngọc K, việc thế chấp được thực hiện theo hợp đồng thế chấp xe số 13058276/AGG/HĐTCSP ngày 11/05/2017 được ký giữa ngân hàng và ông K, bà H và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 11/5/2017.

Nay được biết ông K đã chết, yêu cầu bà H và những người hàng thừa kế thứ nhất của ông K là bà Trương Thị H, ông Lưu Ngọc T1 và chị Lưu Ngọc M liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ông K, bà H với Ngân hàng để đảm bảo thi hành án.

Tại Phiên Tòa ông T đại diện Ngân hàng V1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với khoản vay qua thẻ số 156-P-4891174, vay 30.000.000 đồng không yêu cầu ông T1, bà H, bà M liên đới trả.

Chỉ yêu cầu ông T1, bà H cùng chị M liên đới trả số tiền vốn vay của ba hợp đồng tín dụng 13058276 ngày 11/05/2017, hợp đồng LD2100500760 ngày 05/01/2021, hợp đồng số LD1919300913, ngày 12/07/2019 tính đến ngày

18/8/2023 tiền vốn của ba hợp đồng là 140.712.314 đồng, lãi 105.376.495, tổng cộng vốn lãi là 246.088.809 đồng.

Bị đơn bà **Trương Thị H** trình bày: Bà là vợ của ông **K**, có cùng với ông **K** có ký hợp đồng tín dụng với **V1**. Trong quá trình vay có trả vốn và đóng lãi nhưng không nhớ bao nhiêu. Nay **V1** yêu cầu bà cùng hai con là anh **T1**, chị **M** liên đới trả số tiền trên thì bà không đồng ý, vì các khoản vay này do bà và ông **K** vay, ông **K** chết thì bà có trách nhiệm trả, không liên quan đến anh **T1** và chị **M**.

Anh **Lưu Ngọc T1** trình bày: Anh là con của ông **K**, thống nhất phần trình bày của **V1**. Nay anh đồng ý trả tiền vốn vay còn nợ của ông **K**, bà **H**, tiền lãi không đồng ý trả vì khoản vay này là của ông **K**.

Chị **Lưu Ngọc M** trình bày: Chị là con của ông **K**, bà **H**. Việc vay tiền giữa **V1** và ông **K**, bà **H** thì bà hoàn toàn không biết và không có ý kiến, tùy Tòa án quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** đối với tiền vay của hợp đồng số 156 – P-4891174 số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V**, buộc bà **H**, anh **T1** và chị **M** có trách nhiệm trả cho **ngân hàng TMCP V** số tiền vốn gốc của của ba hợp đồng tín dụng là 140.712.314 đồng, lãi 105.376.495, tổng cộng vốn, lãi là 246.088.809 đồng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp xe số 1305827/AGG/HĐTCSP ngày 11/05/2017 được ký giữa ngân hàng và ông **K**, bà **H** để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng TMCP V** khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại **thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang** và về số tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông **Lưu Ngọc K** và bà **Trương Thị H**. Tuy nhiên, ông **K** đã chết trước khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn đã bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu bà **H** và anh **T1**, chị **M**. Do đó, xác định lại bị đơn của vụ án là bà **H**, anh **T1**, chị **M**.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà **H**, anh **T1**, chị **M** là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện đối với tiền vay và lãi theo hợp đồng số 156-P-4891174 số tiền 30.000.000 đồng, việc rút này là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] **Ngân hàng TMCP V (V1)** có ký với ông **K**, bà **H** hợp đồng vay số **13058276/AGG/HĐTD** ngày 11/05/2017, vay số tiền 238.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay thanh toán tiền mua xe tải hiệu Thaco số loại K165S-CS/TL mới 100%, số khung: RNHA500BKHC039964, số máy: JT718905, biển số 67C – 076.25, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005848, do **Phòng C Công an tỉnh A** cấp ngày 11/5/2017, thuộc quyền sử dụng của ông **Lưu Ngọc k**, bà **Trương Thị H**.

Ngày 12/07/2019 **Ngân hàng TMCP V (V1)** ký với ông **K**, bà **H** hợp đồng vay số **LD1919300913**, vay số tiền **94.000.000đồng**, thời hạn vay 36 tháng, **lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19%/năm**, cố định đến ngày 01/01/2020, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay tiêu dùng.

Ngày 05/01/2021 **Ngân hàng V1** ký tiếp với ông **K**, bà **H** hợp đồng vay số **LD2100500760**, vay số tiền **100.000.000đồng**, thời hạn vay 24 tháng, **lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 24%/năm**, cố định 01/07/2021, sau đó định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay tiêu dùng.

[2.2] Sau khi nhận tiền vay thì ông **K**, bà **H** chỉ thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi được một phần đối với ba hợp đồng trên thì ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Như vậy, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu yêu cầu trả nợ vốn, lãi của các khoản vay theo 03 hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Theo quy định của **Ngân hàng N** thì các Tổ chức tín dụng được thỏa thuận lãi suất với khách hàng vay. Ông **K**, bà **H** đã không trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn theo ba hợp đồng tín dụng nên được chấp nhận.

Hợp đồng tín dụng số 13058276/AGG/HĐTD ngày 11/05/2017 giữa các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 8,5%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên.

Trả nợ gốc và lãi vào ngày 15 hằng tháng, trả trong vòng 48 kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Khoản vay LD 2100500760 ngày 05/01/2021, giữa các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 24%/năm, cố định đến ngày 01/07/2021. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 11 hằng tháng, trả trong vòng 24 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Khoản vay LD 1919300913 ngày 12/07/2019, số tiền vay là 94.000.000 đồng, giữa các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 19%/năm, cố định đến ngày 01/01/2020. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 11 hằng tháng, trả trong vòng 36 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

[2.3] Tính đến ngày 18/8/2023 ông K, bà H còn nợ lại các khoản như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 13058276 còn nợ tiền vốn 4.527.466 đồng, tiền lãi là 2.157.133 đồng (lãi trong hạn là 1.334.093 đồng, lãi quá hạn là 667.047 đồng)
- Hợp đồng tín dụng số LD2100500760 còn nợ tiền vốn 92.009.463 đồng, tiền lãi là 74.923.013 đồng (trong đó lãi trong hạn là 49.948.675 đồng, lãi quá hạn là 24.974.338 đồng)
- Hợp đồng tín dụng số LD1919300913 số tiền vốn vay còn 44.175.385 đồng, tiền lãi là 28.295.886 đồng (lãi trong hạn là 18.863.924 đồng, lãi quá hạn là 9.431.962 đồng)

Tổng cộng tiền vốn, lãi của ba hợp đồng tín dụng là 246.088.809 đồng.

[2.4] Tuy nhiên ông K đã chết, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm bà Trương Thị H (vợ ông K), anh Lưu Ngọc T1, chị Lưu Ngọc M (con của ông K) có các quyền, nghĩa vụ tài sản do ông K để lại theo Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2015

Về ý kiến của anh T1, chị M cho rằng không biết gì về việc vay của ông K, bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến hay văn bản từ chối nhận di sản của ông K để lại, cũng như không có thỏa thuận khác; mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy, bà H, anh T1, chị M vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng vay số 13058276/AGG/HĐTD ngày 11/05/2017, số tiền 238.000.000 đồng, ông K đã xác lập Hợp đồng thế chấp số 13058276/AGG/HĐTCSP ngày 11/5/2017 để thế chấp tài sản cho Ngân hàng V1 là 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO biển số 67C – 076.25 do ông K đứng tên. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H chứng nhận ngày 11/5/2017. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm với cơ quan có thẩm quyền là đúng theo quy định tại Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo Thi hành án.

[2.6] Về án phí:

Bà **H**, anh **T1**, chị **M** cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 116, Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)** về số tiền vay của hợp đồng tín dụng số LD 1713100598 số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)**.

Buộc bà **Trương Thị H** cùng anh **Lưu Ngọc T1**, chị **Lưu Ngọc M** trả số tiền vốn vay và lãi còn nợ của hợp đồng 13058276/AGG/HĐTD ngày 11/05/2017, hợp đồng LD2100500760 ngày 05/01/2021, hợp đồng số LD1919300913 ngày 12/07/2019 tổng cộng là 246.088.809 đồng trong đó tiền vốn là 140.712.314 đồng, tiền lãi là 105.376.495 đồng (lãi trong hạn là 70.250.688 đồng, lãi quá hạn là 35.125.344 đồng) trong phạm vi tài sản của ông **Lưu Ngọc K** và bà **Trương Thị H**.

Bà **H**, anh **T1**, chị **M** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng 13058276/AGG/HĐTD ngày 11/05/2017, hợp đồng LD2100500760 ngày 05/01/2021, hợp đồng số LD1919300913 ngày 12/07/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền trên trong phạm vi tài sản của ông **K**, bà **H**.

Duy trì hợp đồng thế chấp số 13058276/AGG/HĐTCSP ngày 11/5/2017 đối với xe ô tô tải nhãn hiệu THACO biển số 67C – 076.25 giữa **ngân hàng TMCP V** và ông **K**, bà **H** để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông **T1**, bà **H**, chị **M** không thanh toán tiền nợ trên, thì **ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO biển số 67C – 076.25 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005848 do **Phòng C công an tỉnh A** cấp ngày 11/05/2017 ông **Lưu Ngọc K** đứng tên.

Bà **H**, anh **T1** và chị **M** cùng phải chịu 12.304.000 (mười hai triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. (bằng tài sản của ông **K**, bà **H**).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (Năm triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005169 ngày 20/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà H, anh T1 và chị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Văn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo